

KINH NGHIỆM ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG MỞ CỦA MỘT SỐ NƯỚC THÀNH VIÊN ASEAN

Phan Huy Đường^(*)

Trong các nước thành viên ASEAN, chúng tôi cho rằng phân tích quá trình thực hiện chính sách kinh tế đối ngoại theo hướng hội nhập, mở cửa có một ý nghĩa rất đặc biệt đối với Việt Nam, nhất là trong vấn đề điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Về điểm tương đồng giữa các nước lựa chọn để phân tích. Trong 10 nước thành viên ASEAN có 4 nước phát triển nông nghiệp khá mạnh là Thái Lan, Malaysia, Indonesia và Philippine, cho nên đề tài tập trung khái quát những kinh nghiệm của họ trong việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp để tham khảo cho trường hợp Việt Nam, bởi hai lý do sau:

Thứ nhất, nền nông nghiệp của các nước này vẫn còn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Cả năm nước (cùng với Việt Nam) đều có thị phần khá lớn trên thế giới, hiện đang chiếm tới 45% lượng gạo xuất khẩu và 80% cao su tự nhiên xuất khẩu, chiếm thị phần lớn trong xuất khẩu cà phê và dầu ăn, dầu thực vật.

Thứ hai, cả năm nước ASEAN này đều có những điều kiện tự nhiên gần giống nhau, nên những mặt hàng là khách hàng của Việt Nam thì ít, mà những mặt hàng là đối thủ cạnh tranh trong xuất khẩu với

ta (như gạo, cà phê, cao su, hạt tiêu, hàng thủy sản v.v.) thì nhiều. Những mặt hàng Việt Nam phải nhập khẩu của bạn (như dầu ăn, ván nhân tạo v.v.) thường là do công nghệ chế biến của ta yếu hơn, chất lượng sản phẩm thấp hơn nên phải nhập nội.

Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy có thể rút ra một số kinh nghiệm của các nước này trong việc phát triển nông nghiệp theo hướng mở cửa, như sau:

1. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá

Các nước ASEAN đều đang trong quá trình thực hiện điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá. Malaysia có tỷ trọng ngành công nghiệp cao nhất trong cơ cấu kinh tế. Thời kỳ 1985-1996, tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP đã giảm từ 20,8% xuống 13%, trong khi tỷ trọng công nghiệp tăng từ 19,7% lên 48,5%, tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm tương ứng từ 31,3% xuống 16% so với lực lượng lao động xã hội. Trong cùng thời kỳ này, tỷ trọng nông nghiệp trong GDP của Indonesia giảm từ 22% xuống 16%, tỷ trọng ngành công nghiệp tăng từ 14,6% lên 30,5%. Mặc dầu tỷ trọng nông nghiệp trong nền kinh tế đang giảm đi, nhưng nông nghiệp vẫn

^(*) PGS. TS., Khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

còn là ngành sản xuất cơ bản ở đất nước đông dân nhất khối ASEAN này. Đóng góp của ngành nông nghiệp của Thái Lan trong GDP giảm từ 25,1% xuống còn 11%, và của Philippine cũng giảm từ 30% xuống 21%, tuy vậy, nét chung của Thái Lan và Philippine là vẫn còn gần 50% lực lượng lao động xã hội đang làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Lao động nông nghiệp ở các nước đều giảm cả về tương đối và tuyệt đối. Số lượng lao động nông nghiệp nhìn chung có xu hướng chuyển dịch mạnh sang lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Cùng với xu hướng giảm lao động nông nghiệp là xu hướng tăng dần giá ngày công lao động và trình độ cơ giới hoá trong nông nghiệp. Đây là xu hướng hợp quy luật, tuy nhiên trường hợp của Malaysia cũng cần được lưu ý. Từ năm 1990 đến năm 1995 có khoảng 20% dân cư nông thôn của Malaysia chuyển từ nông thôn ra thành thị. Sự thay đổi quá nhanh này đã làm cho thị trường lao động nông thôn mất cân bằng, các đồn điền phải tăng 30% lương cho công nhân, dẫn đến chi phí lao động trong giá thành cây công nghiệp lên cao (chiếm từ 40% đến 60% giá thành sản xuất cây công nghiệp), điều này dẫn tới khả năng cạnh tranh về giá của một số cây công nghiệp bị mất dần buộc một số ngành (như cao su, cà phê, cọ dầu) phải chuyển vốn đầu tư và sản xuất sang các nước có chi phí lao động thấp hơn.

2. Tập trung phát triển sản xuất những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh

Trong thương mại quốc tế, các nước đều cố gắng phát huy lợi thế so sánh của mình để sản xuất những sản phẩm có chất

lượng cao, giá thành thấp, có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Sản xuất nông nghiệp trong điều kiện mở cửa và hội nhập cũng được điều chỉnh theo quy luật đó.

- Thái Lan vẫn đẩy mạnh sản xuất lúa gạo, đường và thủy sản, nhưng đồng thời chuyển đổi sản xuất nông nghiệp theo hướng *đa dạng hoá sản phẩm* để giảm bớt rủi ro thị trường và ổn định thị trường tiêu dùng trong nước, chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp của Thái Lan đã phản ánh rõ nét định hướng phát triển thương mại dựa trên lợi thế so sánh và đa dạng hoá sản phẩm.

- Khác với Thái Lan, Malaysia điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung vào sản xuất cây công nghiệp phục vụ xuất khẩu, như: cọ dầu, cao su, ca cao có năng lực cạnh tranh cao. Ba loại cây này đã chiếm tới 77% diện tích đất nông nghiệp cả nước và đóng góp tới 71% GDP nông nghiệp (riêng cọ dầu chiếm tỷ lệ gần 40% GDP nông nghiệp). Ngoài ra, Malaysia còn chú trọng phát triển cây lúa nước, dứa và hoa quả (lúa gạo và hoa quả chiếm dưới 10% GDP nông nghiệp), các cây trồng khác như cà phê, chè, mía đường v.v. chỉ chiếm một phần nhỏ diện tích đất nông nghiệp.

- Indonesia là nước đông dân, lại là quốc đảo nên thị trường tiêu dùng trong nước luôn tạo ra sức ép lớn đối với các chính sách kinh tế. Bởi vậy, một mặt, vẫn duy trì mức độ vừa phải chiến lược đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp, mặt khác, tập trung mũi nhọn vào những mặt hàng chủ lực, như: sản xuất các loại sản phẩm lúa gạo, cọ dầu, dứa, cao su, cà phê, đường,

ca cao, hàng lâm sản v.v. Indonesia hưởng mạnh vào sản xuất các mặt hàng có lợi thế là lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản, trong khi đó các loại cây lương thực chỉ có tốc độ tăng bình quân hàng năm khoảng trên 1,5%. Các ngành lâm nghiệp, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi và thủy sản của Indonesia phát triển mạnh đem lại tăng trưởng khá (gần 3%) cho nông nghiệp.

- Nông nghiệp của Philippine phát triển hướng vào khai thác các thế mạnh về chăn nuôi và phát triển thủy sản. Ngành chăn nuôi chiếm khoảng 24% giá trị sản lượng nông nghiệp và có tốc độ tăng trưởng bình quân trên 5% trong hơn một thập kỷ qua. Philippine đứng thứ 12 thế giới về nuôi trồng thủy sản, riêng ngành thủy sản đã đóng góp 15% GDP nông nghiệp. Phần lớn diện tích đất nông nghiệp được dành để trồng lúa (chiếm trên 40% diện tích đất nông nghiệp và tạo ra 22% giá trị GDP nông nghiệp). Chính phủ đã tập trung đầu tư 1/3 ngân sách nông nghiệp cho vùng Mindacao để biến vùng này thành vùng chuyên canh lúa của Philippine, nhưng hàng năm phải nhập khẩu khối lượng khá lớn lương thực (trên 1 triệu tấn/năm) và ngô làm thức ăn chăn nuôi, riêng năm 2004 Việt Nam đã trúng thầu để cung cấp cho Philippine 410 ngàn tấn gạo^(*).

3. Điều chỉnh chiến lược phát triển nông nghiệp bám sát nhu cầu cả thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu

Để phát huy lợi thế so sánh của mình, các nước đều tập trung vào sản xuất một hoặc một số sản phẩm nông sản chính với

khối lượng lớn, giá cả thấp nhằm vươn ra thị trường thế giới, song lại chấp nhận nhập khẩu các mặt hàng nông sản không có khả năng cạnh tranh, hoặc nếu sản xuất thì giá trị gia tăng không lớn, hiệu quả kinh tế không cao so với việc sử dụng các nguồn lực trong nước tiến hành sản xuất các sản phẩm khác, chẳng hạn nhập khẩu nguyên liệu để phát triển chăn nuôi. Xu thế phát triển và chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp chung của các nước là: Từ độc canh sang đa canh; từ sản xuất cây hàng năm sang sản xuất cây lâu năm, cây công nghiệp, cây ăn quả; từ sản xuất và xuất khẩu nguyên liệu thô sang xuất khẩu nông sản đã chế biến; đẩy mạnh phát triển mạnh chăn nuôi và thủy sản; chuyển từ tự túc lương thực sang cân đối lương thực thông qua thương mại quốc tế. Một số cây trồng truyền thống không có thị trường tiêu thụ cũng bị thay thế dần (ví dụ như cây sắn ở Thái Lan; mía, dứa ở Phillipine, cao su ở Malaysia).

4. Dám cải cách mạnh mẽ để đương đầu với thách thức

- Indonesia: Trong thời kỳ khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực, các nước ASEAN đều trực tiếp bị tác động, trong đó Indonesia là nước thiệt hại nặng nhất, tình hình chính trị bất ổn định, thiên tai và cháy rừng lại liên tiếp xảy ra làm cho nông nghiệp nước này không phát triển được, 130 triệu trong tổng số 205 triệu dân mức sống tụt xuống dưới mức nghèo khổ, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng (38 triệu trong tổng số 90 triệu lao động), tỷ lệ lạm phát tăng nhanh, thu nhập giảm từ 1080 USD đầu những năm 90 xuống còn 480 USD vào

(*) Tin kinh tế tham khảo, Thông tấn xã Việt Nam, ngày 04/03/2004.

năm 1998. Chính phủ mới của Indonesia đã phải thực hiện cải cách sâu sắc nhằm đem lại lòng tin và tạo điều kiện để thu hút vốn đầu tư, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các hộ sản xuất quy mô nhỏ và giảm tỷ lệ đói nghèo, cụ thể như:

+ Xóa bỏ sự độc quyền của BULOG trong nhập khẩu lúa mì, bột mì, đậu tương, tỏi, gạo.

+ Cắt giảm thuế quan đối với tất cả các hàng thực phẩm xuống mức cao nhất là 5%.

+ Loại bỏ cản trở đối với việc buôn bán, vận chuyển hàng hoá.

+ Thực hiện tự do buôn bán giữa các vùng.

- Philippine: Thay đổi chính sách đối với nông nghiệp từ bảo trợ sản xuất trong nước sang tăng cường cạnh tranh, trước đây nhà nước thực hiện trợ giá lúa, ngô, hỗ trợ tín dụng, hạn chế nhập khẩu nông sản, tự do nhập khẩu vật tư, bao cấp cho hệ thống khuyến nông của Chính phủ. Đến năm 1998 Nhà nước ban hành Luật hiện đại hoá nông - ngư nghiệp (AFMA), luật này có hiệu lực từ 3/1998 và trở thành trọng tâm của chiến lược phát triển nông nghiệp hiện nay của Philippine.

- Thái Lan: Phát triển nông nghiệp theo định hướng gắn với xuất khẩu của Thái Lan đã góp phần quan trọng trong việc tránh những tác động tiêu cực của khủng hoảng thời gian qua và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng. Trong điều kiện mở cửa và hội nhập mạnh, nông nghiệp của Thái Lan đang phải đối mặt với nhiều thách thức to lớn, đó là: Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp tuy đã diễn ra nhưng tốc độ còn chậm, ngành trồng trọt

vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn (trong thập kỷ 1990, giá trị gia tăng ngành trồng trọt 61,3%, thủy sản 11,7%, chăn nuôi 10,6%); năng suất nông nghiệp thấp và chi phí sản xuất vẫn còn cao; cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ sản xuất yếu kém và lạc hậu, cơ khí hoá nông nghiệp tăng nhanh ở vùng trung tâm, nhưng vùng phía Bắc và Đông Bắc lao động thủ công và sử dụng sức kéo trâu bò vẫn còn nhiều. Các nguồn tài nguyên bị khai thác kém hiệu quả, mâu thuẫn giữa mục tiêu thương mại và bảo vệ môi trường sinh thái đang gay gắt dần; đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật yếu, nhất là nghiên cứu cơ bản.

- Malaysia: Trong năm 2000 đã công bố Chiến lược phát triển nông nghiệp cho 10 năm tới với mục tiêu đưa nông nghiệp phát triển thành một lĩnh vực hiện đại và thương mại hoá cao với việc đề ra và thực hiện một hệ thống đồng bộ các chính sách với nội dung chính như:

+ Tối ưu hoá việc sử dụng các nguồn tài nguyên, tập trung vào việc phục hồi và cải tạo đất hoang, mở rộng và bồi bổ đất trồng cây hàng năm. Chính phủ đã xây dựng được một quy hoạch sử dụng đất tổng thể. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước nhằm tăng năng suất cây trồng và duy trì tài nguyên cho tương lai.

+ Tăng cường phát triển các ngành chế biến gắn với sản xuất nông nghiệp dựa vào tài nguyên của từng địa phương. Kết hợp giữa sản xuất và chế biến nông sản đóng vai trò quan trọng trong thay thế nhập khẩu và xuất khẩu nông sản. Tăng cường mối quan hệ giữa sản xuất và chế biến để góp phần phát triển tổng hợp đất đai, cây

trồng, các ngành liên quan và phương pháp sản xuất.

Từ những phân tích trên đây có thể rút ra một số vấn đề về phát triển chính sách kinh tế đối ngoại và tác dụng tích cực của sự đúng đắn trong thực thi nó có tác dụng tích cực trong việc điều chỉnh cơ cấu sản xuất của một ngành một cách thích hợp, đó là nông nghiệp, đã làm cơ sở để chuyển dịch cơ cấu toàn bộ nền kinh tế theo hướng mở cửa, hội nhập.

Qua kinh nghiệm và thực tiễn của bốn nước ASEAN như đã phân tích ở trên, có thể nhận thấy không có một mô hình phổ quát cho việc lựa chọn các chiến lược phát triển ngành nông nghiệp trong giai đoạn phát triển vừa qua, tuy nhiên cũng có thể rút ra mấy vấn đề cơ bản trong việc lựa chọn cơ cấu sản xuất như thế nào cho hiệu quả và chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng xuất khẩu, thực hiện chính sách kinh tế đối ngoại thành công đều bắt nguồn từ tính hiệu quả của chính sách kinh tế trong nước - kinh tế đối nội, như sau:

Thứ nhất: Về vấn đề lựa chọn chiến lược phát triển nông nghiệp.

Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển kinh tế nói chung, và phát triển nông nghiệp nói riêng, các nước đều có tính đến yếu tố phân công lao động khu vực. Nghĩa là mỗi nước đều tập trung đầu tư cho một số mặt hàng mũi nhọn dựa trên các lợi thế sau :

- Lợi thế về điều kiện tự nhiên;
- Lợi thế về lao động;
- Lợi thế về công nghệ sản xuất và chế biến;

Có tính đến yếu tố nhu cầu thị trường;

Có tính đến cả các yếu tố truyền thống.

Chẳng hạn, Malaysia đẩy mạnh sản xuất và chế biến dầu cọ, ca cao, cao su; Thái Lan thì lúa gạo, đường và thủy sản; Indonêsi thì lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản; Philippin thì chăn nuôi, thủy sản và lúa gạo... Rõ ràng sự khai thác lợi thế của từng nước có tính đến phân công lao động giữa các nước trong khối đã thúc đẩy tăng trưởng về chất, như giảm chi phí, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm vốn đầu tư, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm.

Thứ hai: Phát triển sản xuất và chuyển đổi cơ cấu theo hướng thị trường mở.

Các nước sẵn sàng lựa chọn phương án nhập khẩu những mặt hàng có giá trị kinh tế thấp, trên cơ sở tập trung vốn và các nguồn lực khác cho việc sản xuất những mặt hàng có giá trị kinh tế cao, chẳng hạn Philippin sản xuất nhiều gạo phẩm cấp cao, nhưng lại nhập lương thực để chăn nuôi gia súc, gia cầm. Thái Lan đang đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp, nên tốc độ gia tăng xuất khẩu gạo chững lại, giảm xuất khẩu ngô, nhập khẩu đậu tương...

Thứ ba: Duy trì và ổn định thị trường trong nước bằng những phương thức khác nhau.

Trong khi tập trung cho các mũi nhọn sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, thì các nước ASEAN đều chú ý tới việc duy trì và ổn định thị trường trong nước. Nhưng những nước có nhiều tiềm lực về vốn và công nghệ thì tập trung hơn vào

những ngành mũi nhọn để tăng cường xuất khẩu, như Malaysia. Còn những nước khác thì lựa chọn phương thức phát triển đa ngành, đa nghề, đa dạng hoá sản phẩm, *một mặt*, là để ổn định thị trường trong nước với nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng với lượng dân số lớn, lãnh

thổ rộng. Nhưng, *mặt khác*, là để hạn chế rủi ro khi có biến động trên thị trường thế giới, ảnh hưởng xấu đến thị trường tiêu dùng trong nước. Điều đó được thể hiện rõ nét ở những nước đông dân cư, lãnh thổ rộng lớn, như: Indônêsi-a, Philippine và Thái Lan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nicola Bullard, *Thuần dưỡng những con hổ / IMF và cuộc khủng hoảng châu Á*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1998.
2. *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê, H., 1997; 2000; 2001; 2002.
3. Phan Huy Đường, Sản xuất, chế biến Dứa và tiêu thụ Dứa ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn*, số 4/2003.
4. Phan Huy Đường, *Một số giải pháp chủ yếu đẩy mạnh tiêu thụ nông sản ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Đại học Quốc gia nghiệm thu 2/2003.
5. *Thông tin kinh tế tham khảo*, Thông tấn xã Việt Nam, ngày 25/2/2004; 1/3/2004; 4/3/2004.
6. Võ Đại Lộc, *Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế, kinh nghiệm của Nhật Bản, ASEAN và Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, H., 1993.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS-LAW, T.XX, N_o3, 2004

EXPERIENCE OF ADJUSTING THE AGRICULTURAL PRODUCTION STRUCTURE FOLLOWING THE OPENED - ORIENT OF SOME ASEAN COUNTRIES

Prof. Dr. Phan Huy Duong

Faculty of Economics, Vietnam National University, Hanoi

The problem of adjusting the agricultural production structure of ASEAN countries following the opened – orient especially 4 countries with the developing agriculture such as Thailand, Malaysia, Indonesia and Philippines, which has special meaning toward Vietnam.

These countries's agriculture still plays an important role in their economy.

ASEAN countries have the same natural condition and kinds of their goods are competitors toward our country.

According to researches, we see that we can pull out some experiences from these countries in developing the opened – orient agriculture:

Carry out changing the industrialization – oriented economic structure.

Concentrate on making products having competitive advantages.

Adjust the agricultural developing strategy following with both the command of domestic market and export market.

To dare to reform strongly to face up with challenging.

According to reality experiences of ASEAN countries analysed above, we can how pull out a few problems in selecting production structure to get efficiency and change economic structure following the export way, carry out Vietnam foreign economic policy bases on home economic policy successfully to get efficiency:

First, the problem of selecting agricultural developing strategy needs to concentrate on investing for some important goods.

Second, developing production and changing structure following the opened – orient.

Third, maintaining and stabilizing domestic market by different methods.